

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ sinh viên HK1 năm học 2026-2027 và xét học bổng sinh viên vượt khó HK2 năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 hướng dẫn thực hiện quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3658/QĐ-DCT ngày 27/8/2026 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ sinh viên HK1 năm học 2026-2027 và xét học bổng sinh viên vượt khó HK2 năm học 2025-2026 như sau:

I. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP

1. Đối tượng miễn học phí: (Miễn 100% học phí tín chỉ tích lũy)

- **Đối tượng 1:** Người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng.

- **Đối tượng 2:** Sinh viên bị khuyết tật.

- **Đối tượng 3:** Sinh viên mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng, **tuổi không quá 22** (theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

- **Đối tượng 4:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- **Đối tượng 5:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu), ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng giảm học phí và hồ sơ

- **Đối tượng 6** (*Giảm 70% học phí tín chỉ tích lũy*): Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người), ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo (xem danh mục các văn bản quy định tại mục lưu ý).

- **Đối tượng 7** (*Giảm 50% học phí tín chỉ tích lũy*): Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/2013/QĐ-TTG

Đối tượng: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

III. GIẢM HỌC PHÍ CHO ANH/CHỊ/EM RUỘT, ANH/CHỊ/EM SINH ĐÔI ĐANG CÙNG HỌC TẠI TRƯỜNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

1. Đối tượng

Sinh viên có anh/chị/em ruột, anh/chị/em sinh đôi đang cùng học tại Trường.

2. Điều kiện

- Chấp hành tốt pháp luật, nội quy và quy định của Nhà trường;
- Đang học trong thời gian quy định của chương trình đào tạo và có lịch học trong học kỳ xét.

IV. TRỢ CẤP KHÓ KHĂN VÀ HỌC BỔNG SINH VIÊN VƯỢT KHÓ

1. Đối tượng

- Đối tượng 1: Sinh viên thuộc hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;
- Đối tượng 2: Sinh viên thuộc hộ nghèo;
- Đối tượng 3: Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ hoặc có cha/mẹ mắc bệnh hiểm nghèo;
- Đối tượng 4: Sinh viên khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mồ côi cả cha và mẹ, nhưng không thuộc diện hưởng chế độ, chính sách theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP.

2. Điều kiện xét trợ cấp khó khăn

Sinh viên thuộc một trong các đối tượng trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chấp hành tốt pháp luật, nội quy và quy định của Nhà trường;
- Kết quả rèn luyện học kỳ 2 năm học 2025-2026 đạt loại Khá trở lên.

3. Điều kiện xét học bổng sinh viên vượt khó

- Đối tượng 1, 2 và 3: Kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 2 năm học 2025-2026 đạt loại Khá trở lên;
- Đối tượng 4: Kết quả học tập đạt loại Trung bình trở lên và kết quả rèn luyện đạt loại Khá trở lên;
- Điểm xét học bổng được tính theo thang điểm 10; không có điểm thi lần thứ nhất dưới 5.



4. Hồ sơ minh chứng

- Đối tượng 1: Giấy xác nhận hộ cận nghèo còn giá trị; trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nộp giấy xác nhận của địa phương nơi cư trú còn hiệu lực tại thời điểm xét học bổng;

- Đối tượng 2: Giấy xác nhận hộ nghèo còn hiệu lực tại thời điểm xét học bổng;

- Đối tượng 3: Trường hợp sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ, nộp bản sao có chứng thực giấy khai sinh của sinh viên và giấy chứng tử của cha hoặc mẹ; trường hợp cha hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, nộp hồ sơ bệnh án hiệu lực tại thời điểm xét học bổng;

- Đối tượng 4: Trường hợp sinh viên khuyết tật, nộp giấy giám định y khoa theo quy định; trường hợp sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo, nộp hồ sơ bệnh án còn giá trị; trường hợp mồ côi cả cha và mẹ, nộp bản sao có chứng thực giấy khai sinh của sinh viên và giấy chứng tử của cha và mẹ.

5. Nguyên tắc xét hưởng

Sinh viên đồng thời đủ điều kiện hưởng học bổng sinh viên vượt khó và trợ cấp khó khăn chỉ được hưởng một mức cao nhất.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 01/10/2026 đến hết ngày 20/10/2026 (trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6).

- Địa điểm: Nộp trực tiếp tại Phòng Công tác Sinh viên (gặp Cô Nga, Cô Lệ).

- Sinh viên nộp bản sao có chứng thực các loại giấy tờ theo hướng dẫn tại các Phụ lục của Thông báo; thời gian sao y không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Sinh viên tải các biểu mẫu tại website Phòng Công tác Sinh viên: <https://pctsv.huit.edu.vn>, mục Biểu mẫu → Biểu mẫu miễn, giảm học phí.

- **Hồ sơ và biểu mẫu thực hiện theo Phụ lục hướng dẫn đính kèm.**

Lưu ý

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí hoặc hỗ trợ chi phí học tập nhưng đồng thời học tại nhiều trường (hoặc nhiều khoa trong cùng một trường) thì chỉ được hưởng chế độ tại một nơi. Trường hợp thuộc nhiều đối tượng miễn, giảm học phí thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất.

- Chế độ miễn, giảm học phí chỉ áp dụng đối với các học phần thuộc chương trình đào tạo; không áp dụng đối với học phần học lại, học cải thiện hoặc trong thời gian sinh viên bảo lưu kết quả học tập. Riêng trường hợp giảm học phí cho anh/chị/em ruột, anh/chị/em sinh đôi cùng học tại Trường, sinh viên phải có lịch học trong học kỳ xét mới được hưởng.

- Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn phải ghi rõ tình trạng của sinh viên hoặc gia đình sinh viên. Trường hợp chỉ xác nhận chữ ký của Trưởng ấp/khu phố hoặc cá nhân có liên quan mà không xác nhận nội dung này thì không được xem là hồ sơ hợp lệ.

- Sinh viên thuộc đối tượng mồ côi, khuyết tật đã nộp đầy đủ giấy tờ minh chứng hợp lệ và còn giá trị sử dụng trong học kỳ liền kề trước đó thì **không phải nộp lại**.

Trên đây là Thông báo của Nhà trường. Đề nghị Trưởng các đơn vị đào tạo, CVHT triển khai đến sinh viên thuộc đơn vị biết và thực hiện các nội dung của Thông báo. 

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Xuân Hoàn



PHỤ LỤC
I. HƯỚNG DẪN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/NĐ-CP VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/QĐ-TTG NHƯ SAU:

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1262 /TB-DCT ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

Hồ sơ bao gồm:

- 1) Bản sao giấy khai sinh của sinh viên;
- 2) Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
- 3) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu 1);
- 4) 02 phiếu giao nhận hồ sơ (theo mẫu 2);
- 5) Giấy cam kết (theo mẫu 3).
- 6) Bản sao các loại giấy tờ liên quan đến từng chế độ chính sách như: thẻ thương binh, bệnh binh, nhiễm chất độc hóa học, người có công....; giấy chứng nhận hộ nghèo/cận nghèo; giấy chứng nhận tàn tật/khuyết tật; quyết định hưởng trợ cấp dành cho trẻ mồ côi; giấy xác nhận vùng đặc biệt khó khăn; giấy chứng nhận cha hoặc mẹ mắc bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động.
- 7) Danh mục văn bản tham khảo về địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:
 - a. Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025. Xem quyết định tại đây
 - b. Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (Điều chỉnh Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022). Xem quyết định tại đây
 - c. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Xem quyết định tại đây
 - d. Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn. Xem quyết định tại đây
 - e. Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 (Điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021). Xem quyết định tại đây

f. Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Xem quyết định tại đây

g. Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Điều chỉnh Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021). Xem quyết định tại đây

h. Văn bản số 296/BDTTG-CS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Xem văn bản tại đây

i. Các quyết định của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

II. HỒ SƠ XÉT HỌC BỔNG SINH VIÊN VƯỢT KHÓ, TRỢ CẤP KHÓ KHĂN VÀ HỒ SƠ XÉT GIẢM HỌC PHÍ CHO ANH/CHỊ/EM HỌC CÙNG HỌC TẠI TRƯỜNG NHƯ SAU:

1. Đơn xét học bổng vượt khó (Mẫu 11/HBVK) và bảng điểm học kỳ II năm học 2025–2026 (có xác nhận của Phòng Đào tạo).
2. Đơn xét trợ cấp khó khăn (Mẫu 12/TCKK).
3. Đơn xét giảm học phí (Mẫu 13/MGACE).
4. Minh chứng đóng học phí theo học kỳ xét (bản photo).

